

# NHỮNG XU HƯỚNG MỚI TRONG XẾP HẠNG ĐẠI HỌC TOÀN CẦU

**TS. PHẠM THỊ LY**

**Viện Đào tạo Quốc tế, ĐHQG-HCM**

Hội thảo về Đại học đẳng cấp Quốc tế (ĐHĐCQT) lần thứ Năm được tổ chức ngày 3 - 6 tháng 11 năm 2013 tại Thượng Hải đã quy tụ 153 thành viên từ 40 quốc gia trên thế giới, đặc biệt với sự có mặt của các tổ chức xếp hạng ĐH toàn cầu có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất (ARWU, QS, THES...) và Thomson Reuter, tổ chức hàng đầu thế giới về cung cấp thông tin hoạt động khoa học và thông tin doanh nghiệp. Chủ đề hội thảo lần này là **"Sức lan tỏa toàn cầu của Đại học đẳng cấp quốc tế: Những tác động đối với hệ thống giáo dục đại học"** ("Global Outreach of World-Class Universities: How it is Affecting Higher Education"). Ngay sau hội thảo này là một hội thảo khác do Mạng lưới Các trường ĐH Nghiên cứu hàng đầu trên thế giới có tên là Universitas tổ chức, về chủ đề **Đối sánh Hệ thống giáo dục đại học (GDĐH) các nước: Vấn đề tiêu chí đánh giá**.

Hội thảo thứ nhất có tám phiên họp, bao gồm 18 báo cáo với các chủ đề chính sau đây: (1) Những phản ánh mang tính chất quốc gia đối với các khởi xướng về ĐHĐCQT; (2) Kinh nghiệm của các trường trong việc xây dựng ĐHĐCQT; (3) Những thách thức trong việc xây dựng trường ĐHĐCQT; (4) Trải nghiệm của các tổ chức xếp hạng trong việc thực hiện xếp hạng ĐH toàn cầu; và (5) Những tác động và ứng dụng của việc xếp hạng ĐH toàn cầu. Hội thảo thứ hai phân tích những kinh nghiệm và bài học trong việc xếp hạng hệ thống GDĐH các nước. Bài viết này nêu tóm tắt một số vấn đề nổi bật đã được nêu ra và thảo luận tại hai hội thảo nói trên, bao gồm: (1) Bối cảnh hiện nay của GDĐH toàn cầu và vấn đề ĐHĐCQT ở những nước nhỏ hoặc đang phát triển; (2) Những điểm hạn chế, tác động và ảnh hưởng của việc xếp hạng ĐH và (3) Những xu hướng mới hiện nay, đặc biệt là xếp hạng hệ thống. Chúng tôi đặc biệt nhấn mạnh những xu hướng mới hiện nay, vì nó cho phép đánh giá toàn diện hiện tượng này và sử dụng nó theo cách có ích lợi nhất cho đất nước.

## 1. Bối cảnh GDĐH toàn cầu

Toàn cầu hóa là hiện tượng đã được nói đến thường xuyên trong suốt thập kỉ qua. Vấn đề là, hiện tượng này đã và đang tác động đến các trường ĐH trên phạm vi thế giới như thế nào. Hiển nhiên là toàn cầu hóa đã làm mờ đi biên giới giữa các quốc gia, đặc biệt là trong giới khoa học. Khủng hoảng tài chính vẫn đang tiếp tục và ngân sách nhà nước cấp cho các trường ĐH công đang giảm sút nghiêm trọng, đến mức như ở Hoa Kỳ, ngân sách nhà nước cấp chỉ còn chiếm 10% tổng kinh phí

hoạt động của trường công, thì liệu có thể gọi đó là ĐH công lập nữa hay không (W. Tierney, Southern California University, Hoa Kỳ). Thậm chí còn có thể nêu câu hỏi: Liệu chúng ta có còn cần ĐH công lập? Việc ngân sách suy giảm nghiêm trọng đã thúc đẩy sự dịch chuyển của giới hàn lâm, chẳng những từ trường này sang trường khác, từ khu vực công sang khu vực tư, mà còn là từ nước này sang nước khác, khiến cho cuộc cạnh tranh tài năng ngày càng khốc liệt. Cạnh tranh về nguồn lực, bên cạnh cạnh tranh giành lấy người tài hiện nay đang diễn ra trên quy mô toàn cầu, khiến bức tranh GDĐH toàn cầu đã khác đi rất nhiều so với cách đây chỉ năm, mười năm.

Ngày càng tăng xu hướng đặt gánh nặng tài chính lên vai người học, thay vì do nhà nước chi trả phần lớn như trước. Ở Mỹ, học phí đã tăng gấp năm lần trong vòng 30 năm qua. Số tiền nợ mà sinh viên Mỹ đang gánh chịu hiện nay đã lên đến hàng ngàn tỉ đô la. Điều này đặt ra hai vấn đề, một là "lợi ích công" của GDĐH phải được định nghĩa lại như thế nào, khi gánh nặng học phí và nợ nần do việc học đã khiến GDĐH trở thành chủ yếu là đầu tư của cá nhân cho lợi ích riêng; và hai là câu hỏi về tính thiết thực của việc học được đặt ra gay gắt hơn bao giờ hết. Câu hỏi này trực tiếp liên đới với vấn đề xếp hạng ĐH mà chúng ta sẽ trở lại trong phần sau. Cũng trong xu hướng đó, ngày càng nhiều các tổ chức GDĐH vì lợi nhuận xuất hiện, và khu vực này đang tăng trưởng vô cùng mạnh mẽ, với mô hình quản trị như một doanh nghiệp, nhanh chóng thích ứng với tiến bộ kĩ thuật cũng như đáp ứng những đòi hỏi của thị trường. Bối cảnh này khiến tiếng nói của giới hàn lâm bị coi nhẹ, và tự do học thuật đang ngày càng phải chịu thỏa hiệp nhiều hơn. Những biến đổi đó khiến ngay cả những trường đang ngự trị trên đỉnh cao học thuật cũng bị đe dọa không còn giữ vững được vị trí và phẩm chất của mình (Philip Altbach, Boston College, Hoa Kỳ).

Trong lúc đó, các nước mới nổi và giành được một số thành tựu về kinh tế thì nhìn các trường ĐHĐCQT như là biểu tượng cho sự thành công về kinh tế và là nguồn lực cho nền kinh tế tri thức. Nhiều nước như Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, v.v... trong thập kỉ qua đã và đang dành những nguồn lực to lớn của quốc gia cho việc xây dựng những trường ĐH nghiên cứu ĐCQT. Một câu hỏi được đặt ra tại hội thảo và trở thành một chủ đề thảo luận, là liệu các nước nhỏ có cần, hay có nên xây dựng những trường ĐH ĐCQT trong điều kiện nguồn lực hạn hẹp của



minh hay không. Câu trả lời là có, bởi vì trường ĐH là nơi tốt nhất để thực hiện hoạt động nghiên cứu và đào tạo thế hệ làm khoa học kế thừa. Các nước nhỏ và đang phát triển cần một nơi như thế để duy trì mối quan hệ tương tác với giới hàn lâm quốc tế, và hiểu biết về những tiến bộ mới nhất trong khoa học. Thứ hạng trên bảng xếp hạng không phải là vấn đề, càng không phải là mục tiêu. Điều chính yếu là những trường ĐH nghiên cứu hàng đầu của những nước này phải gắn với đời sống học thuật trên thế giới và phục vụ cho những ưu tiên của quốc gia, đồng thời là nơi đào tạo những người tài trở thành tầng lớp tinh hoa cả trong giới khoa học lẫn giới chính trị.

**2. Những hạn chế, tác động và ảnh hưởng của các bảng xếp hạng**

Tác động của các bảng xếp hạng lên chiến lược và hành vi của các chính phủ, các trường là điều khá dễ thấy: các trường Ả-rập Saudi tuyển dụng những giáo sư có tỉ lệ trích dẫn cao từ khắp thế giới đến làm việc cho họ với mức lương hấp dẫn. Các trường ĐH Australia tuyển dụng các nhà quản lý chuyên trách việc nâng hạng trường mình để tăng cường khả năng vươn lên thứ hạng cao hơn. Ở Anh, 70% các hiệu trưởng ĐH muốn trường mình phải nằm trong top 10% trong nước và 25% trên bảng xếp hạng quốc tế (Hellen Hazelkorn, Viện Công nghệ Dublin, Ireland). Tuy nhiên, có một thực tế là tất cả các trường đang bị xem xét và đánh giá bởi những tiêu chí chỉ thích hợp cho một số rất ít các trường tinh hoa chiếm khoảng 4-6% trên toàn cầu. Việc xếp hạng đã tạo ra một mô hình khiếm khuyết (Locke 2011) dẫn tới cuộc chạy đua cải thiện thứ hạng của hầu hết các trường. Hellen Hazelkorn cho rằng ảnh hưởng của các bảng xếp hạng vẫn đang tiếp diễn trong việc tái cấu trúc hệ thống GDĐH các nước; tái định hình các ưu tiên của quốc gia; nhấn mạnh lại những ưu tiên của các trường; tổ chức lại các khoa trong trường và thứ bậc của các lĩnh vực chuyên ngành; nhấn mạnh nghiên cứu hơn là đào tạo, nhấn mạnh đào tạo sau ĐH hơn là đào tạo ĐH (điều này có ý nghĩa đáng kể với những thay đổi diễn ra trong nghề giảng viên); tạo ra những thay đổi trong thực tiễn nghiên cứu (nhấn mạnh tiếng Anh như ngôn ngữ của khoa học, việc xuất bản, định hướng nghiên cứu, ưu tiên giữa khoa học cơ bản và khoa học ứng dụng, v.v...). Các bảng xếp hạng đang tác động mạnh mẽ đến chính phủ các nước và ảnh hưởng đến những quyết định về phân bổ nguồn lực cũng như xác định ưu tiên của quốc gia. Sinh viên, cha mẹ học sinh, các nhà lãnh đạo và quản lý ĐH, giảng viên, giới doanh nghiệp, tất cả đều đang bị thứ hạng của trường ám ảnh, chi phối.

Ý nghĩa tích cực của các bảng xếp hạng là không thể phủ nhận. Nó cung cấp thông tin cho người học, cho các chính phủ, kích thích việc thu thập dữ liệu vốn

rất cần cho việc quản lý hệ thống; và quan trọng hơn, nó nâng cao ý thức của các trường trong việc cải thiện hoạt động. Tuy thế, khiếm khuyết của các bảng xếp hạng và tác động tiêu cực của nó cũng ngày càng bộc lộ rõ. Tác động tiêu cực rõ rệt nhất của các bảng xếp hạng, là nó kích thích các trường đua theo vị trí xếp hạng và coi nhẹ những sứ mạng quan trọng khác của nhà trường đối với người học và đối với xã hội. Xét về mặt hệ thống, việc đầu tư một nguồn lực khổng lồ cho một số ít các trường tinh hoa nhằm tạo ra sự xuất sắc đã lấy đi những khoản đầu tư đáng lẽ có thể dành cho việc cải thiện chất lượng đào tạo của số đông.

Do vậy, không có gì ngạc nhiên khi một bộ phận giới hàn lâm, kể cả lãnh đạo ĐH, có thái độ phản kháng đối với việc xếp hạng. Đã có một hội nghị bàn tròn các lãnh đạo ĐH ở Pháp năm 2010 với tiêu đề "Quên đi Thượng Hải". James Cook University ở Australia đang tẩy chay ARWU. Ở Hoa Kỳ, Annapolis Group đang tẩy chay US News và World Report Ranking. Một số trường ĐH ở Canada từ chối tham gia bảng xếp hạng Maclean. Ở Đức, nhiều tổ chức nghề nghiệp như Sociologists, Historians, Chemists, Educationists đã kiến nghị tẩy chay CHE Ranking. Bốn trường ĐH Đức (Hamburg, Leipzig, Cologne, Hagen) tuyên bố từ nay sẽ không nộp bất cứ dữ liệu nào cho mục đích xếp hạng.

Barbara M. Kehm (University of Glasgow, UK) tóm tắt những bước phát triển mới của thực tiễn xếp hạng hiện nay trong 5 điểm: (1) Kết quả xếp hạng bản thân nó trở thành một chỉ báo của uy tín các trường và chỉ báo cho năng lực cạnh tranh kinh tế của quốc gia; (2) Chính phủ nhiều nước đang dựa vào giá trị biểu tượng của kết quả xếp hạng để đưa ra quyết định về cải cách hay về phân bổ nguồn lực; (3) Vị trí của các trường trong thang bậc xếp hạng hiện nay không phản ánh thực tế bản chất hoạt động của các trường, điều này đã và đang được thừa nhận rộng rãi; (4) Thang bậc xếp hạng đang dịch chuyển giá trị của nó sang lĩnh vực kinh tế, ở đó nó tạo thành một giá trị biểu tượng không hợp với hoàn cảnh; và (5) Giá trị này của thứ hạng có thể mang một ý nghĩa mới, qua ý nghĩa đó nó tạo ra một thực tế vật chất chẳng liên quan gì đến ý nghĩa ban đầu của việc xếp hạng.

Hellen Hazelkorn nhấn mạnh rằng việc xếp hạng ĐH ngày nay đang xa dần mục tiêu ban đầu của nó: ngày càng ít nhằm vào cung cấp thông tin giúp sinh viên lựa chọn trường, mà tập trung chủ yếu vào việc khẳng định vị trí địa chính trị.

**3. Những xu hướng mới trong tương lai của việc xếp hạng ĐH toàn cầu**

Do những hạn chế đã nêu trên, các hệ thống xếp hạng đều đang nỗ lực cải thiện phương pháp của

mình, từ xây dựng tiêu chí đến thu thập và xử lý dữ liệu. Một số xu hướng mới trong việc xếp hạng ĐH toàn cầu được ghi nhận qua hai hội thảo này là:

**3.1. Bổ sung những tiêu chí và trọng tâm hiện đang thiếu hụt hay khiếm khuyết trong các bảng xếp hạng hiện nay**

Đáp ứng với nhiều ý kiến phê phán về việc các bảng xếp hạng, đặc biệt là ARWU, đã quá chú trọng đến hoạt động nghiên cứu khiến cho những hoạt động và thành tựu quan trọng khác của nhà trường bị coi nhẹ hay bỏ qua, hiện có xu hướng bổ sung những tiêu chí nhằm đo lường những giá trị gia tăng mà nhà trường đã mang lại cho sinh viên. Điều này đặc biệt quan trọng khi tính thích đáng, hay thiết yếu của GDĐH đang bị nhiều người ngờ vực, trong bối cảnh chi phí cho việc học không ngừng tăng. Một số khía cạnh đang bị bỏ qua là thành quả của hoạt động giảng dạy và những đóng góp hay tác động đối với xã hội, và sự phát triển bền vững của nhà trường; vì vậy các bảng xếp hạng đang hướng đến những tiêu chuẩn hợp tình hợp lý hơn nhằm phản ánh một hình ảnh đầy đủ hơn về nhà trường với tư cách một tổng thể.

Việc xếp hạng theo chuyên ngành đã được thực hiện từ lâu, nay tiếp tục được nhấn mạnh, cùng với xu hướng xếp hạng theo vùng. Sẽ có thêm các bảng xếp hạng theo vùng, chẳng hạn giữa các trường Châu Á, hay giữa các nước BRICS. Xu hướng này nhất quán với ý tưởng tăng cường tính chất đối sánh sẽ đề cập dưới đây.

**3.2. Hướng tới đối sánh hơn là xếp hạng**

Một tác động tiêu cực của các bảng xếp hạng hiện nay là thứ hạng cao thấp đã kích thích các trường chạy đua theo các chỉ báo (thường là phiến diện) của các bảng xếp hạng mà quên đi những hoạt động trọng yếu khác của nhà trường. Điều đó không giúp cho các trường tốt hơn, có ích hơn đối với người học và xã hội. Do vậy, một xu hướng mới đang hình thành, như Jamil Salmi (World Bank) nêu ra tại hội thảo, là hướng về đối sánh (benchmarking) thay vì xếp hạng. Đối sánh có nghĩa là so sánh hoạt động của các trường với những "đối thủ" cạnh tranh cùng loại, hay với những kinh nghiệm tốt của trường khác, với mục đích hiểu rõ chỗ yếu của mình nhằm cải thiện hoạt động. Với mục đích ấy, không có vấn đề cao thấp, thứ bậc; các trường cũng không cần phải chạy theo những chỉ báo mà các bảng xếp hạng nêu ra, mà tự chọn lấy các chỉ báo cho mình, phù hợp với sứ mạng và chiến lược của nhà trường trong từng giai đoạn, cũng như phù hợp với điều kiện và nguồn lực của mình.

Do hướng tới đối sánh, các bảng xếp hạng hiện nay cũng cần phải thay đổi về phương pháp để các trường được nhìn nhận một cách công bằng hơn. Vì

thế đã có xu hướng so sánh tương đối thay vì tuyệt đối. Nói cách khác, sự so sánh sẽ có ý nghĩa hơn nếu chúng ta so sánh kết quả đạt được trong những điều kiện gần tương đương. Ví dụ, nên có top 20 trường hàng đầu trong các nước phát triển, top 20 trong các nước đang phát triển. Xu hướng này đặc biệt quan trọng khi đánh giá tổng thể cả hệ thống.

**3.2. Xếp hạng đa chiều (Multi-rank):**

Đây là một xu hướng đặc biệt quan trọng thể hiện sự đáp ứng của giới quản lý ĐH cũng như giới hàn lâm đối với những nhược điểm hiện tại của các bảng xếp hạng và đưa việc xếp hạng vượt ra xa hơn trọng tâm truyền thống xưa nay là sự xuất sắc trong nghiên cứu. Xếp hạng đa chiều phản ánh năm khía cạnh chính của đời sống ĐH: (1) Dạy và học; (2) Nghiên cứu; (3) Chuyển giao tri thức và công nghệ; (4) Định hướng quốc tế hóa; và (5) Gắn kết với nhu cầu phát triển của khu vực. Xếp hạng đa chiều là xếp hạng từng mặt và không cần đến trọng số. Cách tiếp cận này phản ánh được đặc điểm các trường theo sứ mạng và đặc điểm đa dạng của họ, khắc phục được nhược điểm của các bảng xếp hạng hiện nay là dùng những thước đo chỉ thích hợp với một số ít các trường. Các chỉ báo được đề nghị là:

- *Về dạy và học:* Tỷ lệ chi tiêu dành cho hoạt động giảng dạy; tỷ lệ tốt nghiệp; các chương trình liên ngành; tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm, thời gian để lấy bằng tốt nghiệp.

- *Về nghiên cứu:* Kết quả nghiên cứu; chi phí cho nghiên cứu; tỷ lệ trích dẫn; số lượng công bố quốc tế và số nhà khoa học có chỉ số trích dẫn cao; số công trình liên ngành; các giải thưởng quốc tế; số nghiên cứu sinh sau tiến sĩ; khả năng cạnh tranh các quỹ tài trợ nghiên cứu.

- *Về chuyển giao tri thức và công nghệ:* Chính sách khích lệ hoạt động chuyển giao tri thức; những công bố khoa học được thực hiện nhờ sự hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp; tài trợ nghiên cứu do các tổ chức, doanh nghiệp đem lại; số bằng sáng chế; quy mô của các tổ chức chuyển giao công nghệ; các khóa học hướng dẫn ứng dụng khoa học cho cộng đồng; thương mại hóa kết quả nghiên cứu; bằng đồng sáng chế; những sản phẩm phụ tạo ra qua chuyển giao tri thức.

- *Về định hướng quốc tế hóa:* Số chương trình dạy bằng tiếng nước ngoài; số giảng viên/nghiên cứu viên là người nước ngoài hay được đào tạo ở nước ngoài; những công bố khoa học có hợp tác với ngoài nước; các chương trình liên kết quốc tế;

- *Sự gắn kết với khu vực:* Có sinh viên trong khu vực đến học, thu nhập từ các hoạt động thực hiện tại khu vực hay cho khu vực; các hợp đồng, hợp tác nghiên cứu trong khu vực; thực tập cho sinh viên trong khu vực.

Dự án này đã được khởi động từ Hội thảo Dublin 2009, dự kiến đến năm 2014 sẽ công bố bảng xếp hạng đầu tiên gồm 500 trường, do Trung tâm GDDH và Trung tâm Nghiên cứu Chính sách GDDH của Đại học Dublin thực hiện. Các nước tham gia thử nghiệm đều đáp ứng rất tích cực với xếp hạng đa chiều, vì nó rõ ràng là toàn diện và công bằng hơn, cũng như phản ánh tốt hơn sự đa dạng và thực tế của các trường, thể hiện tốt hơn những hoạt động phù hợp với sứ mạng của từng trường. Quan trọng hơn, xếp hạng đa chiều có ích cho người học, vì nó đáp ứng nhu cầu thông tin đa dạng của nhiều đối tượng khác nhau với những mục đích và kì vọng khác nhau đối với GDDH.

### 3.4. Xếp hạng hệ thống, không chỉ xếp hạng từng trường

Một kết quả nghiên cứu đăng trên Economist tháng 4-2013 cho thấy số sinh viên tốt nghiệp không tìm được việc làm, hoặc trong tình trạng bị động, đang tăng một cách đáng ngại, nhất là ở Đông Á. Trong lúc đó, các bảng xếp hạng hiện nay chỉ tập trung vào một số rất ít các trường tinh hoa, vào khoảng 500 trường trong tổng số khoảng 16.000 trường ĐH trên thế giới, và bỏ quên con số rất lớn các trường còn lại. Điều này đã tạo ra một hiệu ứng không có lợi cho người học, khi phần lớn các trường này theo đuổi mục tiêu nâng hạng thay vì tập trung cho cải thiện chất lượng dạy và học, tăng cường tính thích đáng của nhà trường qua gắn kết với thế giới việc làm và mang lại những giá trị gia tăng tích cực hơn cho người học. Các bảng xếp hạng hiện nay cũng mang lại một bức tranh phiến diện và không cung cấp được những thông tin thiết yếu cho các nhà lãnh đạo và hoạch định chính sách trong việc quản lí hệ thống.

Chính vì vậy, đã có sáng kiến xếp hạng hệ thống thay cho xếp hạng các trường. Sự thay đổi này sẽ có ích hơn vì nó giúp cho các chính phủ, các nhà hoạch định chính sách có đủ thông tin cần thiết để thiết kế một hệ thống GDDH bao gồm nhiều loại trường khác nhau với những sứ mạng và đặc điểm khác nhau thay vì tập trung mọi nguồn lực vật chất và con người vào việc chạy đua tạo ra và duy trì một số ít những trường xuất sắc. Bảng xếp hạng đối sánh hệ thống GDDH đầu tiên ra đời năm 2012 do Đại học Melbourne, Australia thực hiện, dựa trên bốn bộ tiêu chí để đánh giá: nguồn lực, môi trường, sự nối kết, và kết quả hoạt động.

*Nguồn lực* dựa trên các chỉ báo: ngân sách chính phủ dành cho GDDH tính theo tỉ lệ trên GDP; tổng kinh phí hoạt động của GDDH tính theo tỉ lệ trên GDP; kinh phí hàng năm trên mỗi sinh viên (chỉ tính

chính quy toàn thời gian) tính trên đơn vị tương đương sức mua; kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học của các trường ĐH tính theo tỉ lệ trên GDP; và kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học của các trường tính trên đầu người dựa trên dân số và đơn vị tương đương sức mua. *Môi trường* bao gồm các chỉ báo: tỉ lệ nữ sinh viên trên tổng số SV ĐH; tỉ lệ nữ giảng viên trên tổng số GV ĐH; điểm chất lượng dữ liệu (điểm 1 nếu dữ liệu đầy đủ theo đúng định nghĩa của các biến số, điểm 0 là không có dữ liệu); chỉ số chất lượng của môi trường chính sách và các quy phạm điều chỉnh hoạt động của GDDH. *Sự nối kết* được đo bằng các tiêu chí: số lượng sinh viên quốc tế; số bài báo khoa học có yếu tố hợp tác quốc tế; mức độ trang web được sử dụng tính trung bình cho mỗi trường; số lượng những đường link của bên thứ ba nối kết với trang web của các trường. *Kết quả hoạt động* được đo bằng 9 chỉ báo: số lượng bài báo khoa học trên tập san quốc tế có bình duyệt của tất cả các trường; tổng số bài báo khoa học tính trên số dân; chỉ số tác động của các bài báo khoa học dựa trên cơ sở dữ liệu của Scimago; số trường ĐH được xếp trong danh sách top 500 của ARWU; sự ưu tú trong hoạt động nghiên cứu của ba trường tốt nhất nước, bằng cách tính trung bình các điểm đánh giá do ARWU thực hiện; tỉ lệ người vào ĐH trên số dân; tỉ lệ người trên 24 tuổi có bằng ĐH; số nghiên cứu viên toàn thời gian tính trên dân số; tỉ lệ người thất nghiệp trong tuổi 25-64 có bằng ĐH.

Có 50 nước được đánh giá và xếp hạng trong bảng đối sánh hệ thống GDDH 2013, đứng đầu là Hoa Kỳ với điểm số 100 và chót bảng là Indonesia với điểm số 35,3. Trung Quốc đứng thứ 42 với điểm số 44,5; trong khi Malaysia hạng 27 với điểm 52,4; Hàn Quốc hạng 24 với điểm 57,6; Nhật Bản hạng 21 với điểm 59,6, và Singapore đứng thứ 9 với điểm 76,6. Lưu ý là Hong Kong SAR đứng thứ 16 với điểm 67,6; cho thấy môi trường chính sách có vai trò như thế nào đối với việc tạo ra kết quả<sup>1</sup>.

Do mục đích đối sánh hơn là xếp hạng, ta sẽ thấy trong danh sách 500 trường hàng đầu của ARWU, Hoa Kỳ dẫn đầu về số lượng, nhưng nếu so sánh với tương quan dân số, thì mật độ trường được xếp hạng của Hoa Kỳ còn thua xa nhiều nước. Lấy đơn vị đo mật độ là số trường được xếp hạng trong top 500 trên một triệu dân, thì đứng đầu là Phần Lan, sau đó là Thụy Điển, New Zealand, Switzerland... với mật độ tương ứng là 18,3; 17,9; 16,0; 14,6... trong lúc Hoa Kỳ là 6,8 và Trung Quốc là 0,3 còn chót bảng là Ấn Độ với mật độ 0,02 (Benoit Millot, Salmi, World Bank).

<sup>1</sup> Chi tiết xem tại [www.universitas.com](http://www.universitas.com)

**4. Kết luận**

Các hệ thống xếp hạng đại học hiện nay chứa đầy khiếm khuyết, bất cập, mặc dù vậy, xếp hạng đã là một thực tế không thể bỏ qua, và tẩy chay xếp hạng không hẳn đã là một hành động tích cực. Đáp ứng như thế nào đối với xếp hạng là một thách thức lớn với tất cả các trường. Hai hội thảo trên đây là những diễn đàn quốc tế của giới hàn lâm, giới lãnh đạo ĐH và giới làm chính sách để thảo luận về những ý tưởng mà các trường, các chính phủ có thể cân nhắc. Một ý tưởng xuyên suốt qua nhiều phát biểu, mà John Douglas (UC Berkeley, Hoa Kỳ) đã nhấn mạnh, là cần thay đổi mô hình trường ĐHĐCQT, đưa nó trở thành những trường ĐH hoa tiêu của hệ thống, và thay đổi mục tiêu giành vị trí trên bảng xếp hạng thành mục tiêu trở thành một tổ chức thiết yếu cho quốc gia – một mô hình không coi nhẹ những chuẩn mực quốc tế về sự ưu tú, nhưng đặt nền tảng trên việc phục vụ

những nhu cầu của quốc gia, bao gồm những trách nhiệm và đặc điểm khó mà xếp hạng.

**THAM KHẢO THÊM**

1. Trang web của Hội thảo ĐH ĐCQT: [www.shanghai-ranking.com/wcu/](http://www.shanghai-ranking.com/wcu/)
2. Trang web của Universitas: <http://www.universitas21.com/>

**SUMMARY**

*The article refers to the outstanding issues in the Fifth workshop of World-class universities, held on November 3-6 2013 in Shanghai, organized by network of the leading World-class Research Universities, including: (1) The current context of global higher education and the issue of World-class universities in small/developing countries; (2) Shortage, impact and effect of university ranking and (3) New trends, especially system ranking.*

**HỖ TRỢ KỸ THUẬT - GIẢI PHÁP NÂNG CAO... (Tiếp theo trang 56)**

**Kết luận**

Với Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục dân tộc, là đơn vị đầu mối trong nghiên cứu thực hành, xây dựng chương trình và sách giáo khoa và tài liệu hướng dẫn dạy học, để HTKT có hiệu quả phải có kế hoạch cụ thể hơn nữa. Mỗi năm học, có 3 đợt HTKT. Tất cả các GV dạy song ngữ đều được dự giờ ít nhất từ 2 - 3 tiết với các môn học khác nhau. Những nhận xét, phân tích giờ dạy, những hướng dẫn, điều chỉnh cụ thể về phương pháp, về cách thức thiết kế và tổ chức các hoạt động của lần trước đều được xem xét lại ở đợt HTKT tiếp theo. Vì thế, với các GV đứng lớp, hoạt động này thực sự có hiệu quả. Từ năm đầu tiên, khi các chuyên gia dự giờ góp ý, các GV hết sức lo lắng, căng thẳng, nhưng từ năm thứ 2 trở đi, GV bắt đầu hiểu rõ mục đích của hoạt động này trong nghiên cứu thực hành nên đã tích cực hợp tác. Những vấn đề vướng mắc trong các bài dạy được GV tập hợp lại để trao đổi cùng chuyên gia. Các giờ dạy dần được cải thiện tích cực về phương pháp và chất lượng. Các đơn vị giáo dục tham gia nghiên cứu với tư cách là mẫu, các nhà quản lý chủ động hợp tác hơn nữa trong việc nêu ra những vướng mắc hay khó khăn của mình, để nghị các chuyên gia cho phương án giải quyết hỗ trợ. Các GV tham gia chương trình phải có sự tương tác với chuyên gia trong các khâu chuẩn bị hồ sơ giảng dạy, thực hiện thiết kế dạy học theo yêu cầu, lắng nghe ý kiến chuyên gia, phản biện khi cần thiết bảo vệ ý kiến của mình để thực nghiệm đạt

hiệu quả. Vai trò của GV là không thể thiếu trong HTKT.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Trần Bá Hoàng, *Dạy học lấy người học làm trung tâm – nguồn gốc, bản chất, đặc điểm*, Tạp chí Thông tin Khoa học giáo dục, số 96/2003.
2. *Hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại các trường thực hiện mô hình trường học mới Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2013.
3. *Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên thông qua “Nghiên cứu bài học”* – Tài liệu Hội thảo quốc tế, Đại học Sư phạm Hà Nội, 12/2009.
4. *Báo cáo hỗ trợ kỹ thuật của các đoàn trong Nghiên cứu Thực hành Giáo dục song ngữ*.

**SUMMARY**

*The Research Program of Bilingual Practice education on the basis of mother tongue has been in the preparation stage of completion so far. The way is long enough for it to give evidence; in particular the result is the first group of students. To achieve this result, the author emphasizes the role of technical assistance (TA) - a stage of the practical research cycle- from the first planning step to the curriculum building and development; implementation - review. At the same time, TA is an effort to find solutions to upgrade better versions and more effectively in a particular teaching design, to improve and enhance the quality and fit research objectives.*